

Truyền thừa của Khất Sĩ

KS. Minh Bình

Qua sự kiện Chín ngày cuối đời của trưởng lão Giác Chánh, những người quan tâm đến Đạo Phật Khất Sĩ của Sư trưởng Minh Đăng Quang sẽ nghi vấn rằng: Truyền thừa Khất Sĩ đến đây là chấm dứt chăng? Nghi vấn này chính đáng, cần nên tìm hiểu rõ.

Từ lâu, ngài Giác Chánh đã được mọi người nhìn nhận là người kế thừa Sư trưởng Minh Đăng Quang. Thế rồi giữa năm 2004 ngài đã ra đi trong lặng lẽ, không truyền, không chứng, không dạy, không bảo gì hết. Thế là Khất Sĩ đứt mạch chăng?

Trước đó, trong khoảng 10 năm, mỗi khi giảng dạy tại Trường Hạ Tịnh xá Trung Tâm, hòa thượng Giác Ngộ có kể về sự ngộ đạo của mình, và sau đó được đức Nhị Tổ ấn chứng tại Tịnh xá Ngọc Mỹ – Sóc Trăng. Hôm ở Ngọc Mỹ, sau khi đọc (*thuộc lòng*) cho nghe 10 bài Chơn lý đầu tiên, ngài Nhị Tổ đã nói đi nói lại với sư Giác Ngộ rằng: “Giáo pháp đã được trao truyền, truyền nhưng không truyền gì cả, không truyền gì cả nhưng đã truyền tất cả, ai tu thì được.”. Lời kể nhiều lần đó đã có hàng trăm người nghe thấy.

Trong lời dạy này, ngài Giác Chánh đã đúc kết: Ai tu thì được. Vậy ai tu? Là sư Giác Ngộ hay là cả hai? Lúc đó chỉ có hai thầy trò, sau khi sư Giác Hiệp nghe chán đã xin nghỉ trước, còn chư Tăng đang cúng ngộ. Về sự chuyên tu Định Huệ sau khi đã ngộ đạo, đó là điều đã được Tổ sư chỉ dạy rồi. Và xưa kia, bên Trung Quốc, thiền sư Trần Tôn Túc cũng đã thường nhắc nhở chư Tăng rằng: “Chưa ngộ như đưa tang mẹ. Ngộ rồi như đưa tang mẹ.”...

Quả thật, Ngộ chưa hẳn là Giác. Có nhiều vị chơn tu đã ngộ đạo rồi vẫn còn mê, mê thần thông quả linh, sanh ra ngã mạn và tà kiến. Điều này đã được đức Phật Thích-ca dạy rõ trong nhiều kinh, ví dụ ngài đã dạy trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* rằng: Các vị tam quả A-na-hàm nếu khai mở được Đại trí huệ thì sẽ thành bậc Đại A-la-hán, tiến lên Bồ-tát đạo. Trong *Chơn Lý* cũng đã dạy: “Phật xưa có dạy rằng: ...Đến ngày nào đắc quả A-la-hán rồi các người mới nên tin ở tám lòng của mình.”. Và hơn 1200 năm trước, thiền sư Hoài Hải Bách Trượng cũng đã dạy sư Linh Hựu Quy Sơn, khi sư vừa ngộ đạo, rằng: “Đây là ngã rẽ tạm thời.”. Hay có nhiều thiền sư Trung Quốc đã chia sẻ với chư Tăng: “Lão Tăng mấy mươi năm mới đập thành một mảnh.”. Hoặc Pháp sư Thánh Nghiêm có lần đã viết trong sách của mình: “Núi Tu-di mà trong kinh nói **có thể là** Núi Tuyết.”, thì trí huệ Bát-nhã sao lại “có thể”? “Có thể” là chưa biết...

Nói về Bát-nhã, thì hòa thượng Giác Ngộ cũng đã giảng tại Trường Hạ Tịnh xá Trung Tâm thế này: “Thật ra, không có gì gọi là tu hết.”; và đã giảng tại Tịnh xá Ngọc Thiền rằng: “Ngộ thiền cũng là chứng thiền.”, mười năm sau bổ sung: “Ngộ càng sâu thì chứng càng cao.”. Người học nghiêm túc cần phải tìm hiểu những điều này. Nhưng đến khi Pháp sư Giác Nhiên mất, giữa năm 2015, thấy trong tiểu sử Pháp sư được thêm hai tuổi đạo, thì “Không có gì gọi là tu hết” là vậy sao? Phải nghiêm túc tìm hiểu...

Trước đó nữa, từ 1975 đến 1954, thời các sư học trò của ngài Minh Đăng Quang hoằng pháp. Có bốn sư đã lập được bốn đoàn khát sĩ lớn, là bốn sa-di đệ tử của ngài Minh Đăng Quang: Giác Tịnh, Giác An, Giác Lý và Giác Nhiên. Người ta sẽ hỏi: Vậy ai đã truyền giới Tỳ-kheo cho bốn sư này? – Dĩ nhiên là Tăng đoàn truyền. – Chỉ mới là đệ tử sa-di thôi mà đã có phước duyên lập được bốn đoàn khát sĩ lớn ư? – Khi lập đoàn họ đều là tỳ-kheo chớ. Nên hỏi thế này: Có phước duyên lớn vậy mà ngài Minh Đăng Quang chưa cho làm tỳ-kheo sao? Và câu trả lời sẽ là: Đã nói đến duyên thì đâu có gượng ép được.

Xét vào sở tu của bốn vị đó. Nổi bật nhất là Pháp sư Giác Nhiên, một bậc danh Tăng ở Việt Nam trước 1975 và ở Mỹ sau 1975, nhưng cuối đời sư bị liệt đến 9 năm, chột khóc thương một con gà, chột máng một sư cô... thôi xét sau. Căn bản nhất là trưởng lão Giác An, người đã thành công lớn ở miền Trung Việt và Tây nguyên trước năm 1975, tay trắng lập sự nghiệp lớn thật hiếm có. Trong tiểu sử trưởng lão Giác An được khắc trên bia có một câu: “Thế rồi một mình một bóng đầu tiên tiến thẳng ra Trung xứ Việt, gót chân người Khất sĩ đại hùng đã nện dấu huyền thâm trên ngọn đồi Phan Thiết, tục danh là Động Làng Thuyền, tức Tịnh xá Ngọc Cát.”. Về **sư** tu hành, thì tu theo đạo nào cũng vậy, đầu tiên là Ly trần để trở về hư không giới, sau đó Siêu hư không giới để đến Niết-bàn. Mà trưởng lão Giác An “nện dấu”, so với “Nhận quá trường không, ảnh trầm hàn thủy” thì thô thiển. Tổ ấn đâu phải như vậy... (3 *chấm*: 2 vị kia.)

Năm 1954, khi ngài Minh Đăng Quang tạm vắng mặt, trong giáo hội Tăng của ngài chỉ có bảy tỳ-kheo chính thức là các sư Giác Tánh, Giác Chánh, Giác Như, Giác Nhơn, Giác Hải, Giác Thần và Giác Hòa. Còn sư Từ Huệ cũng là một tỳ-kheo, đã được ngài cho đi riêng từ Tụ tứ năm 1952, không can hệ đến giáo hội nữa, nhưng trước khi lên “núi lửa” thì ngài có cho sư Giác Lương đi gọi sư Từ Huệ về lại, mà sư mặc cảm xin không về. Và sư Giác Tịnh cũng là một tỳ-kheo, nhưng được ngài ghi lại vào chứng điệp là rằm tháng Giêng năm Ất Mùi 1955, một năm sau khi ngài vắng mặt, mà sư không can thọ giới lại. Cả bảy vị tỳ-kheo này đều trì giới luật nghiêm túc, nên dù họ chỉ có 2, 3 tuổi đạo mà cũng đủ năng lực tác pháp truyền giới Cụ túc cho người sau (*từ 1954*), thật hy hữu! Hàng trăm người sau đã đắc giới từ những giới đàn này.

Sinh thời, ngài Minh Đăng Quang chưa có người kế thừa về Đạo. Khi viết *Chơn Lý*, ngài đã nói với chư Tăng thế này: “Các ông ai cũng mặt tối hù à, nên tôi phải viết Chơn lý để lại làm dấu xương cho đời sau.”. Trưởng lão Giác Tánh là một ông già nặng tai, nhưng không hiểu sao lúc đó sư đã nghe rõ lời thầy dạy và sau này đã mấy lần kể lại với chư Tăng trong đoàn điều đó. (*Do Tổ sắp đặt.*)

Tuy sinh thời ngài Minh Đăng Quang chưa có sư nào chứng Đạo nhưng mạng mạch Khất Sĩ không đứt là vì thời ấy giới luật rất nghiêm khắc. Giới luật Khất Sĩ còn thì Đạo Phật Khất Sĩ còn, Giới luật Khất Sĩ mất thì Đạo Phật Khất Sĩ mất. Chính chơn lý đó đã bảo lưu cho sự truyền thừa của Khất Sĩ trong giai đoạn đầu không bị gián đoạn, sau khi Tổ sư vừa vắng mặt.

Đồng thời, tuy dạy các sư là ai cũng mặt tối hù, nhưng có lần ngài Minh Đăng Quang cũng nói: “Sau này ông Chánh tu được.”, và ngài đã tấn phong sư

Giác Chánh làm Thượng tọa, thay ngài lãnh đạo Đoàn du Tăng lúc đó, tức là lãnh đạo cả giáo hội, từ rằm tháng 7 năm 1953. Theo sự chỉ dạy của Tổ, mọi người đã đồng lòng theo Thượng tọa Giác Chánh tu học và hành đạo, rồi phát triển mạnh... (*Lưu ý: Trong 7 đạo quả thì đến quả nào mới là tu được?*)

Và bên Ni Khất sĩ, ngài Minh Đăng Quang cũng đã từng khen cô Ngân Liên: “Cô Ngân sau này giữ đạo của tôi.”. Về sau, từ Ni sư Ngân Liên đã lập ra ba đoàn Ni Khất sĩ, nhưng không biết có ai kế thừa được đạo hạnh của Ni sư Ngân Liên không? (*Đồng thời, ngài Minh Đăng Quang cũng đã từng nói về cô Huỳnh Liên: “Cô Huỳnh sau này mở đạo lớn lắm, nhưng cổ phá đạo của tôi.”.*)

Như vậy, trong khi giáo hội Khất sĩ chưa có người thứ hai đắc Đạo, ngài Minh Đăng Quang đã khéo sắp xếp ổn thỏa ba việc, cho sự truyền thừa của Khất Sĩ được bảo đảm:

- Rèn luyện Tăng, Ni và cư sĩ nghiêm trì giới luật.
- Viết xong bộ *Chơn Lý*, để làm dấu xương cho đời sau.
- Tổ chức thành công Giáo hội Tăng-già theo chơn lý Bình đẳng vô tri, lấy đức hạnh của mỗi vị khất sĩ mà hiệp thành Giáo hội Tăng-già như thời Phật tại thế, khác hoàn toàn với thế quyền giai cấp.

Năm tháng phôi pha, cả ba việc dần dần bị biến dạng, theo sự “phát triển mấy chục năm” mà **Trì giới trở thành ấu trĩ – Chơn lý là thứ nhàm chán – Giáo hội Tăng-già hóa ra Giáo hội Tăng quan!** (*Thật là kỳ quái!*) Dù trong giáo hội Khất sĩ có được hơn chục vị ngộ đạo (*đương thời hiếm có*) mà cũng không ngăn được sự suy thoái của Khất Sĩ. Các trưởng lão Giác Chánh, Giác Lập (*sa-di*), Giác Cẩm, Giác Cầu, Huệ Thế, Giác Linh, Giác Phát, Giác Sự... thế rồi cũng đã lần lượt ra đi hết thôi! Dĩ nhiên là các vị ấy đâu thể tu trùm mọi người. Vậy “phát triển mấy chục năm” cũng là “sa đà mấy chục năm” chứ!

Tóm lại, Đạo đã đứt, chỉ còn hình bóng, nên ngài Minh Đăng Quang đã ra đời Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp trở lại, từ năm 1944. Thế rồi chỉ vài chục năm sau thì Đạo Phật Khất Sĩ của ngài Minh Đăng Quang cũng đứt tiếp, để xem ngài nổi lại thế nào? Vì khi sắp lên “núi lửa” tu tịnh ngài Minh Đăng Quang đã báo trước: “Khi nào Cầu Mỹ Thuận làm xong thì tôi trở về.”. Như thế, sự nghiệp hoàng Pháp của chư Phật ai dám coi thường!

Bài này viết về Pháp, không viết về Người, mà khi diễn giải thì có nhắc đến người này người nọ. Nên tôn kính Pháp bảo cao quý, chẳng nên vui buồn theo Người. Cũng như câu nói “Ai tu thì được”, thì trong đó cái Được mới đáng kể, còn cái Ai chỉ đại khái, chẳng phải chỗ bận lòng. Bởi nội dung chính là Pháp, nên hình ảnh đại diện của bài này là Linh ảnh Diệu pháp Liên hoa.

(Phân biện: Nếu lúc đó trong giáo hội có một sư mặt sáng trưng thì ngài Minh Đăng Quang có viết Chơn lý không? – Ngoài ngài thì còn ai có tư cách để ban hành Giới luật? – Vậy câu nói đó có ý gì? – Câu đó lưu ý rằng: Phải căn cứ vào bộ Chơn Lý để thấy Đạo của ngài. Nhưng vẫn tự không phải là chơn lý, bởi người học không hiểu cho nên ngài phải tạm viết ra! Chơn Lý vẫn tự là dấu xương.)